Mẫu B03/BCQT

(Kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC Ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã chương: 831
Đơn vị báo cáo: Phòng Kinh tế xã Ia Nan
Mã ĐVQHNS: 1148027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Năm 2025

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình người lao động

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: ..... Người
Trong đó:
- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): ..... Người
- Người lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: ..... Người

1.2. Tăng trong năm: ..... Người
Trong đó:
- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): ..... Người
- Người lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: ..... Người

1.3. Giảm trong năm: ..... Người
Trong đó:
- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): ..... Người
- Người lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: ..... Người

2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản:

.....

Trong đó

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi

a. Đánh giá chung

.....

b. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án lớn, CTMT quốc gia, CTMT

.....

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công

.....

.....

3. Những công việc phát sinh đột xuất trong năm:

.....

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao (kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán huỷ bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,…):

2. Nguồn NSNN trong nước:

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang:

a) Kinh phí được giao tự chủ:
+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:
Trong đó:
Nguồn CK (nếu có):
b) Kinh phí không được giao tự chủ:
+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:
Trong đó:

Mã chương: 831
Đơn vị báo cáo: Phòng Kinh tế xã Ia Nan
Mã ĐVQHNS: 1148027

Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:
Nguồn CK (nếu có):
2.2. Dự toán giao năm nay:
a) Kinh phí được giao tự chủ:
- DT giao đầu năm: 590.950.000
Trong đó nguồn CK (nếu có):
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 7.346.896.547
Trong đó nguồn CK (nếu có):
+ Điều chỉnh tăng: 7.346.896.547
+ Điều chỉnh giảm:
b) Kinh phí không được giao tự chủ:
- DT giao đầu năm: 1.155.350.000
Trong đó nguồn CK (nếu có):
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 348.489.182
Trong đó nguồn CK (nếu có):
+ Điều chỉnh tăng: 348.489.182
+ Điều chỉnh giảm:
- Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:
2.3. Kinh phí thực nhận trong năm:
- Kinh phí được giao tự chủ: 7.937.846.547
Trong đó nguồn CK (nếu có):
Trong đó:
+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 7.937.846.547
+ Nhận kinh phí NSNN cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Kinh phí không được giao tự chủ: 1.322.948.178
Trong đó nguồn CK (nếu có):
Trong đó:
+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 1.322.948.178
+ Nhận kinh phí NSNN cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:
2.4. Kinh phí giảm trong năm:
- Nguồn NSNN giảm:
Lý do giảm:
Trong đó nguồn CK giảm:
Lý do giảm:
2.5. Kinh phí đã nhận chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:
a) Kinh phí được giao tự chủ:
+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:
Trong đó:
Nguồn CK (nếu có):
b) Kinh phí không được giao tự chủ:
+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
+ Số dư tạm ứng Lệnh chi tiền:
Trong đó:
Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể đã ghi thu, ghi chi vào NSNN:
Nguồn CK (nếu có):

3. Nguồn viện trợ từ nhà tài trợ nước ngoài

3.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT được giao bổ sung trong năm:
- Dự toán điều chỉnh giảm trong năm:

3.2. Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm:

- Nhận viện trợ bằng tiền về đơn vị:
- Nhận viện trợ bằng hàng hóa:
- Nhận viện trợ khác:

4. Nguồn vay nợ nước ngoài mà đơn vị được sử dụng

4.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:
+ Điều chỉnh giảm:

4.2. Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN (chi tiết)

II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

1. Tình hình thu phí, lệ phí:

STT	Nội dung	Tổng số thu	Số phải nộp NSNN	Số phí được khấu trừ, để lại	Ghi chú
I	**Phí**				
II	**Lệ phí (nộp NSNN 100%)**				

Trong đó

- Số phí được khấu trừ, để lại cho hoạt động được giao tự chủ:
- Số phí được khấu trừ, để lại cho hoạt động không được giao tự chủ:

2. Tình hình thực hiện chi từ nguồn phí khấu trừ, để lại

2.1. Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:

- Kinh phí được giao tự chủ:
- Kinh phí không được giao tự chủ:
- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

2.2. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí được giao tự chủ:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:
+ Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không được giao tự chủ:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:
2.3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:
- Kinh phí được giao tự chủ:
+ Sử dụng phục vụ thu phí:
+ Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:
- Kinh phí không được giao tự chủ:
+ Sử dụng phục vụ thu phí:
+ Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:
2.4. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:
- Kinh phí được giao tự chủ:
- Kinh phí không được giao tự chủ:
- Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

III. Nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ

1. Tên nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ:
Kinh phí hoạt động nghiệp vụ theo..... số ..... ngày ..... của .....
2. Số thu trong năm:
Trong đó:
- Số nộp NSNN:
- Số nộp cấp trên:
- Kinh phí giảm trong năm:
- Số được để lại đơn vị:
3. Dự toán được giao năm nay:
a) Kinh phí được giao tự chủ:
- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
+ Điều chỉnh tăng:
+ Điều chỉnh giảm:
b) Kinh phí không được giao tự chủ:
- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
+ Điều chỉnh tăng:
+ Điều chỉnh giảm:

IV. Thuyết minh khác

1. Tổng chi tiền lương:
1.1. Chi từ nguồn NSNN trong nước:
Trong đó:
- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:
1.2. Chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:
Trong đó:
- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:
1.3. Chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại:
Trong đó:
- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:
1.4. Chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Mã chương: 831
Đơn vị báo cáo: Phòng Kinh tế xã Ia Nan
Mã ĐVQHNS: 1148027

Trong đó:
- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:

1.5. Chi từ nguồn khác:
Trong đó:
- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP:

2. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

STT	Nội dung	Tổng số	Nội dung			
			Nguồn NSNN	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Nguồn khác
I	Số dư năm trước mang sang					
II	Trích lập					
III	Sử dụng					
1	Sử dụng cho cải cách tiền lương					
2	Sử dụng cho đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ (nếu có)					
IV	Số dư chuyển năm sau					

3. Chi NSNN bằng ngoại tệ (nếu có):
Trong đó thuyết minh các nội dung chi từ nguồn NSNN bằng ngoại tệ như: Chi hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, chi đoàn ra, chi đóng niêm liễm, chi đào tạo ở nước ngoài, chi mua sắm thiết bị nhập khẩu, chi các vụ kiện:
.....
.....
.....
.....

4. Thuyết minh khác:
.....
.....

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ
.....
.....
.....
.....
.

Mã chương: 831
Đơn vị báo cáo: Phòng Kinh tế xã Ia Nan
Mã ĐVQHNS: 1148027

ngày...tháng...năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*